

MỘT SỐ KINH NGHIỆM NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY KỸ NĂNG VIẾT TIẾNG ANH CHO HỌC VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CẢNH SÁT NHÂN DÂN I

NGUYỄN THANH THÚY
Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I

Nhận bài ngày 08/8/2026. Sửa chữa xong 04/9/2026. Duyệt đăng 12/9/2026.

Abstract

This article presents practical approaches to enhancing English writing instruction for cadets at People's Police College I through the effective use of the Life A1–A2 coursebook. Writing plays an important role in developing learners' thinking and language knowledge. However, cadets continue to face difficulties arising from limited vocabulary, reliance on word-for-word translation from their mother tongue, and a lack of confidence in using English. Based on an analysis of these challenges, the article proposes specific instructional measures to help cadets consolidate foundational knowledge while increasing their autonomy and confidence in writing practice. These practical approaches contribute to methodological innovation and improvements in the quality of foreign language education at People's Police College I.

Keywords: English writing skills, Life A1–A2 coursebook, police cadets, self-confidence, teaching experience.

1. Đặt vấn đề

Trong dạy học ngoại ngữ, kỹ năng viết đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố kiến thức ngôn ngữ, phát triển tư duy và hình thành năng lực giao tiếp. Đối với học viên (HV) Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I (Trường CĐ CSND I), kỹ năng viết không chỉ góp phần hệ thống hóa ngữ pháp, làm giàu từ vựng và đáp ứng nhu cầu giao tiếp mà còn hỗ trợ khả năng sử dụng tiếng Anh trong các tình huống thực tế chuyên ngành. Tuy nhiên, thực tế học tập cho thấy HV hiện gặp nhiều khó khăn và trở ngại lớn đối với kỹ năng này. Người học chủ yếu lúng túng khi tổ chức ý tưởng, bị phụ thuộc vào thói quen dịch nghĩa từng từ, vốn từ vựng cơ bản (A1–A2) còn hạn chế và luôn mang tâm lý e ngại, thiếu tự tin khi viết bài. Xuất phát từ thực tiễn giảng dạy kỹ năng viết theo giáo trình Life A1–A2 tại Trường CĐ CSND I, bài viết tập trung phân tích một số khó khăn thường gặp của HV, đồng thời chia sẻ và đề xuất “Một số kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng viết tiếng Anh cho HV Trường CĐ Cảnh sát nhân dân I” là hết sức cần thiết. Bài viết chia sẻ các giải pháp thực tiễn dựa trên giáo trình Life nhằm mục đích giúp HV tháo gỡ vướng mắc, khơi dậy sự tự tin, chủ động và tạo bước chuyển biến tích cực cho công tác dạy - học tại Nhà trường.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm cơ bản

2.1.1. Kỹ năng viết trong giảng dạy Tiếng Anh

Để nâng cao chất lượng dạy học thực hành tiếng, việc thấu hiểu bản chất của kỹ năng viết dưới góc nhìn hiện đại là bước đi đầu tiên mang tính quyết định. Định nghĩa về kỹ năng này từ sau năm 2020 không còn bó hẹp ở việc chuyển đổi ngôn ngữ, mà đã được nâng tầm thành một hoạt động nhận thức phức hợp. Giáo sư Lawrence Jun Zhang (2022) người New Zealand - Phó Hiệu trưởng trường đại học danh tiếng và lớn nhất tại New Zealand, đã khẳng định, viết là “Một hoạt động nhận thức đòi hỏi cao,

Email: buinhathphuong2015@gmail.com

tích hợp năng lực ngôn ngữ, năng lực chiến lược và tư duy phản biện để tạo ra một văn bản mạch lạc cho một mục đích giao tiếp cụ thể”.

2.1.2. Các dạng bài luyện tập dành cho kỹ năng viết trong giảng dạy Tiếng Anh

Theo khung lý thuyết của Rod Ellis & Ken Hyland: Hành trình phát triển năng lực viết của HV được cấu trúc chặt chẽ qua 3 cấp độ bài tập mang tính kế thừa, giúp chuyển hóa từ kiến thức ngôn ngữ thụ động sang năng lực sản sinh chủ động:

Dạng bài tập Sắp xếp từ thành câu (Word Ordering): Vai trò bản chất của dạng bài tập này đóng vai trò là hệ thống giàn giáo cú pháp (syntactic scaffolding). Mục tiêu giúp HV nhận diện và củng cố trật tự từ chuẩn xác, giảm thiểu tối đa các lỗi tư duy dịch word-by-word từ tiếng mẹ đẻ trước khi bắt đầu tự viết.

Dạng bài tập Đặt câu với từ gợi ý (Sentence Making): Vai trò bản chất của dạng bài tập này nhằm thúc đẩy quá trình hành động hóa ngữ pháp (grammar-in-action). Mục tiêu là giúp HV không còn sắp xếp thụ động mà phải chủ động vận dụng cấu trúc vào các tình huống thực tế (đặc biệt là các tình huống nghiệp vụ/chuyên môn), tạo bước đệm từ mức độ “hiểu câu” sang “tạo câu”.

Dạng bài tập Viết đoạn văn ngắn (Paragraph Writing): Vai trò bản chất của dạng bài tập này, HV đạt đến năng lực sản sinh văn bản vi mô (micro-text production). Mục tiêu của bài tập là đích đến cuối cùng của tiến trình. HV tích hợp tư duy logic, sự mạch lạc (coherence) và tính liên kết (cohesion) – hai yếu tố cốt lõi mà Ken Hyland luôn nhấn mạnh – để tạo ra một chỉnh thể văn bản hoàn chỉnh, có ngữ cảnh và phục vụ mục đích giao tiếp thực tế.

Dựa trên các nghiên cứu hiện đại của các chuyên gia ngôn ngữ học người Anh là Rod Ellis (Đại học Curtin – Úc) và Ken Hyland (Giám đốc Trung Tâm nghiên cứu tiếng Anh tại Đại học Hong Kong), khoa Ngoại ngữ- Tin học, Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I cũng đang áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại này.

2.2. Các phương pháp giảng dạy kỹ năng viết hiện đại đối với 3 dạng bài tập luyện kỹ năng viết

Hệ thống bài tập dành cho phát triển năng lực viết được thiết kế dựa trên các phương pháp giảng dạy hiện đại đang phổ biến hiện nay, bao gồm:

2.2.1. Phương pháp giảng dạy ngôn ngữ dựa trên nhiệm vụ (Task-Based Language Teaching - TBLT)

Phương pháp này áp dụng mạnh mẽ bởi Rod Ellis. Thay vì dạy viết theo kiểu truyền thống là giải thích ngữ pháp rồi làm bài tập, TBLT biến các dạng bài tập viết thành một phần của một nhiệm vụ (Task) có mục đích giao tiếp thực tế và gắn liền với bối cảnh nghề nghiệp (như nghiệp vụ Cảnh sát).

Giai đoạn Word Ordering & Sentence Making (Pre-task / Task planning): Đây là bước đi đầu tiên, cung cấp “nguyên liệu” và giàn giáo ngôn ngữ. Mục tiêu của giai đoạn này là kích hoạt vốn từ vựng và định hình cấu trúc. HV sắp xếp hoặc đặt câu không phải để đối phó với ngữ pháp, mà để chuẩn bị vốn từ và cấu trúc cần thiết cho nhiệm vụ cốt lõi phía sau.

Giai đoạn Paragraph Writing (Task performance): là bước chuyển giao từ việc học lý thuyết sang thực hành thực tế. HV viết đoạn văn để giải quyết một tình huống cụ thể, không còn đơn thuần là các bài tập ngữ pháp rời rạc. (Ví dụ: *Viết biên bản ngắn, mô tả đặc điểm tội phạm, xử lý vi phạm...*).

2.2.2. Phương pháp tiếp cận theo thể loại (Genre-Based Approach)

Tác giả chính của phương pháp tiếp cận thể loại là Ken Hyland. Ông nhấn mạnh rằng viết không phải là một hành động tự phát, mà là quá trình tạo ra một văn bản theo một khuôn mẫu *đáp ứng* môi trường giao tiếp đặc thù trong ngành Công an/Cảnh sát. Trước khi cho HV làm bài, giáo viên (GV) cung cấp các mẫu văn bản chuẩn mực do ngành quy định. Khi HV viết đoạn văn dựa trên việc hiểu rõ cấu trúc loại văn bản. HV biết một đoạn văn mô tả tội phạm hay một đoạn văn báo cáo sự việc cần bắt đầu, triển khai chi tiết ra sao để đảm bảo tính mạch lạc (coherence) và liên kết (cohesion) theo đúng quy chuẩn của ngành.

2.2.3. Lý thuyết giàn giáo (Scaffolding) và tiến trình rút lui dần (Fading)

Phương pháp này là sự kết hợp giữa Rod Ellis (SLA) và Ken Hyland (Sự tương tác trong văn bản). Lớp

học được GV tổ chức theo mô hình chuyển giao trách nhiệm dần dần (Gradual Release of Responsibility), đi từ kiểm soát chặt chẽ đến tự chủ hoàn toàn:

Cấp độ 1 (Rearrange these words to make a full sentence – Kiểm soát hoàn toàn): Đây là giai đoạn GV cung cấp 100% từ vựng, HV chỉ xử lý tư duy cú pháp và trật tự từ. Đây là mức giàn giáo cao nhất nhằm xây dựng sự tự tin và giảm thiểu tối đa lỗi dịch word-by-word và định hình tư duy ngôn ngữ bản xứ.

Cấp độ 2 (Make sentences from the following guided words – Kiểm soát một nửa): Giàn giáo được rút bớt (fading). Đây là dạng bài tập mà HV chỉ được cho từ gợi ý/từ khóa, HV phải tự chủ động chia động từ, thêm giới từ và kết nối ngữ nghĩa để viết thành câu hoàn chỉnh.

Cấp độ 3 (Paragraph Writing – Tự chủ hoàn toàn): Giàn giáo được gỡ bỏ, HV tự do viết đoạn văn theo yêu cầu, chịu trách nhiệm hoàn toàn về cả nội dung và cấu trúc ngữ pháp.

2.2.4. Phương pháp Lấy Người học làm Trung tâm thông qua Tương tác và Phản hồi (Interaction & Feedback)

Cả hai nhà nghiên cứu đều coi trọng việc HV tự nhận thức lỗi sai thay vì bị động nhận điểm số.

Xử lý lỗi chủ động trong Word Ordering & Sentence Making: GV không chủ động sửa bài cho HV. Thay vì sửa bài hộ, GV sử dụng các kỹ thuật phản hồi hiện đại của Rod Ellis như Recast (đính chính gián tiếp: GV lặp lại câu sai của học sinh nhưng nói theo cách đúng để học sinh tự nhận ra.) hoặc Clarification request (yêu cầu làm rõ: GV hỏi lại “Em có chắc đoạn này chia thì như vậy không?” để học sinh tự kiểm tra lại trật tự hoặc ngữ pháp của câu.) Lúc này, HV tự nhận ra trật tự câu sai.

Phản hồi đồng sản sinh (Peer review / Teacher-student conferencing) trong Paragraph Writing: Đây là phương pháp được Ken Hyland áp dụng về tính tương tác. HV làm việc theo cặp để đọc và sửa bài cho nhau dựa trên một bảng tiêu chí (Rubric), trước khi GV đưa ra nhận xét, đánh giá cuối cùng.

2.3. Thực trạng trước khi áp dụng các phương pháp và các kỹ thuật dạy học hiện đại vào giảng dạy kỹ năng viết tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I

Để nâng cao chất lượng bài giảng kỹ năng viết theo nội dung sách Life (A1-A2), việc đánh giá khách quan thực trạng dạy và học từ cả phía GV và HV là một khâu hết sức cần thiết.

2.3.1. Về phía học viên

Ưu điểm: Hầu hết HV đều có ý thức kỷ luật tốt, trách nhiệm cao trong việc học ngoại ngữ, có tư duy logic và mong muốn cải thiện ngoại ngữ để phục vụ công tác thực tế sau này.

Hạn chế: Trước khi áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại vào giảng dạy kỹ năng viết trong việc học Ngoại ngữ tại Nhà trường, HV còn bộc lộ một số hạn chế thông qua các dạng bài luyện tập như sau:

Dạng bài Sắp xếp từ thành câu (Word Ordering): Đối với dạng bài tập này, HV thường mắc lỗi dịch word-by-word: Sắp xếp tính từ đứng sau danh từ theo trật tự tiếng Việt (Ví dụ: viết “house new” thay vì “new house”).

Bỏ sót thành phần: Có thể quên dấu chấm, dấu hỏi câu hoặc bỏ sót mạo từ (a, an, the), giới từ (in, on, at).

Dạng bài Đặt câu với từ gợi ý (Sentence Making): HV thường mắc lỗi ngữ pháp chức năng, giữ nguyên từ gợi ý mà không chia động từ theo thì/chủ ngữ, hoặc thiếu từ hạn định (Ví dụ với gợi ý “she / go / market/ yesterday”, HV thường viết “She go to market yesterday” mà quên chia động từ quá khứ thành “went”).

Dạng bài Viết đoạn văn ngắn (Paragraph Writing): HV thường mắc lỗi tư duy cấu trúc: Đoạn văn thiếu câu chủ đề (Topic Sentence), diễn đạt theo kiểu “nghĩ gì viết nấy”.

Lỗi lặp từ và diễn đạt luẩn quẩn: Do vốn từ và cấu trúc ngữ pháp hạn chế, HV lặp lại các từ cơ bản (tall, bad, like...) hoặc viết nhiều câu có nội dung trùng lặp.

2.3.2. Về phía giáo viên

Ưu điểm: Hầu hết GV khoa Ngoại ngữ - Tin học có trình độ thạc sỹ chuyên môn vững vàng, nhiệt tình, chủ động đổi mới phương pháp và khai thác hiệu quả học liệu trực quan của giáo trình Life A1- A2.

Hạn chế: Căn cứ vào chương trình môn học và kế hoạch dạy học, quỹ thời gian dành riêng cho kỹ năng viết trên lớp còn hạn chế do phải cân đối thời lượng với ba kỹ năng nghe, nói và đọc.

2.4. Một số kinh nghiệm giảng dạy kỹ năng viết cho học viên tại Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I

Trải qua 18 năm công tác và giảng dạy tại Nhà trường, tác giả đã tích lũy, cải tiến các kinh nghiệm giảng dạy thực tế. Những kinh nghiệm này giúp giải quyết các vấn đề hiệu quả nhằm hỗ trợ HV vượt qua các rào cản đặc thù, từ đó từng bước tự tin trong kỹ năng viết từ cấp độ cơ bản đến vận dụng thành thạo vào các tình huống nghiệp vụ.

2.4.1. Giải tỏa rào cản tâm lý và xây dựng sự tự tin cho học viên

HV thường có tâm lý e ngại, sợ bị chấm điểm thấp khi viết sai cấu trúc ngữ pháp. Trong giai đoạn đầu, theo tác giả, cần ưu tiên độ trôi chảy (Fluency - viết hết ý) sau đó mới hướng đến độ chính xác (Accuracy). Tập trung khen ngợi những nỗ lực truyền đạt thông tin và các câu viết tốt trước khi sửa lỗi là cách thức tốt nhất khơi dậy sự tự tin và tinh thần chủ động của HV.

2.4.2. Trực quan hóa cấu trúc để xóa bỏ tư duy dịch nghĩa từng từ (word-by-word)

Đối với lỗi dịch nghĩa word-by-word mà hầu như người học tiếng Anh mắc phải. Kinh nghiệm cho thấy là GV không nên giải thích ngữ pháp lý thuyết, mà đưa ra cấu trúc ngữ pháp “khung xương” cốt lõi của câu bằng cách luôn xác định Chủ ngữ (Subject) và Động từ chính (Verb) trước, sau đó mới đưa ra các thành phần phụ vào để cố định tư duy cấu trúc.

2.4.3. Đưa bài học vào thực tế ("Ngữ cảnh hóa") và nâng đỡ từng bước (Scaffolding)

HV sẽ thấy “xa lạ” nếu chủ đề quá xa rời bài học. Kinh nghiệm thực tế cho thấy, cách tốt nhất để tạo động lực cho HV là gắn liền với thực tế ngành. Đưa vào các tình huống quen thuộc như kiểm soát giao thông, báo cáo vụ việc... Dùng ngay các từ ngữ cụ thể (như taxi, bus) thay vì các cụm từ trừu tượng. Chia nhỏ các cấp độ học tập, hướng dẫn các em đi từng bước vững chắc từ dễ đến khó: Sắp xếp từ → Viết câu hoàn chỉnh → Viết thành đoạn văn.

2.5. Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng viết tiếng Anh cho học viên Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I

Để áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại của hai nhà ngôn ngữ học Rod Ellis và Ken Hyland vào môi trường đào tạo đặc thù của Nhà trường, tác giả đề xuất hệ thống biện pháp giảng dạy tuân theo mô hình “Chuyển giao trách nhiệm dần dần” (Gradual Release of Responsibility). Tiến trình này đi từ kiểm soát chặt chẽ đến tự chủ hoàn toàn, ứng dụng công nghệ giáo dục nhằm tối ưu hóa 3 dạng bài tập viết từ cấp độ câu đến đoạn văn của giáo trình Life (A1-A2):

2.5.1. Giải pháp nâng cao tư duy cấu trúc qua bài tập Sắp xếp từ thành câu (Rearrange these words to make a full sentence)

Dạng bài tập này đóng vai trò là mức giàn giáo cao nhất (Kiểm soát hoàn toàn) theo lý thuyết của nhà ngôn ngữ học Ellis, nhằm định hình tư duy ngữ pháp chuẩn xác và xóa bỏ thói quen dịch word-by-word. Tác giả đề xuất áp dụng hai kỹ thuật cụ thể:

Ứng dụng Gamification (Blooket/Wordwall): Thiết lập hệ thống bài tập sắp xếp câu thành trò chơi trực tuyến qua ứng dụng Blooket hoặc Wordwall. Với âm thanh, hình ảnh sống động và giao diện đẹp được cài đặt sẵn trong ứng dụng, cơ chế phản hồi ngay lập tức và ẩn danh điểm số giúp loại bỏ áp lực tâm lý sợ sai, kích thích HV yếu tự tin tham gia xây dựng bài.

Trực quan hóa cấu trúc bằng sơ đồ khối màu (Color-coding): Quy ước màu sắc cố định cho các thành phần câu trên Wordwall (Chủ ngữ - Đỏ, Động từ - Xanh lá, Tân ngữ - Vàng). Phản xạ thị giác này giúp HV định hình nhanh “khung xương” của câu trước khi xếp các thành phần phụ, khắc phục lỗi trật tự từ. Gây hứng thú cho HV với phương pháp dạy học vừa học vừa chơi, không còn tâm lý lo sợ, nhàm chán đối với môn học.

2.5.2. Biện pháp áp dụng kỹ thuật giàn giáo số trong dạng bài Đặt câu với từ gợi ý (Sentence Making)

Đây là bước chuyển đổi trung gian (Kiểm soát một nửa), yêu cầu HV tự bổ sung các thành phần chức năng (chia thì, giới từ, mạo từ) để tạo câu:

Chiến lược Giàn giáo số giảm dần (Fading Digital Scaffolding): GV thiết kế bài tập trên Wordwall theo

3 mức độ hỗ trợ giảm dần: *Mức 1 (Gợi ý tối đa)*: Chọn giới từ/mạo từ có sẵn; *Mức 2 (Gợi ý trung bình)*: Hiện thị chữ cái đầu của từ cần điền kết hợp công thức (S + V\text{-ed} + to + V\text{(bare)} + O) cố định trên bảng; *Mức 3 (Tự chủ)*: HV tự viết câu hoàn chỉnh.

Ngữ cảnh hóa nghiệp vụ (Contextualization): Theo phương pháp lấy người học làm trung tâm (TBLT) của Ellis, tác giả thay thế các câu ví dụ chung chung trong cuộc sống hàng ngày bằng các tình huống thực tế ngành cụ thể như: (xử lý vi phạm giao thông, mô tả nhân dạng...). Việc dùng các danh từ thực dụng như *taxi, bus...* giúp bài học gần gũi, tăng tỷ lệ vận dụng đúng tại lớp.

2.5.3. Đề xuất quy trình sản sinh văn bản trong dạng bài Viết đoạn văn ngắn (Paragraph Writing)

Đây là giai đoạn tự chủ hoàn toàn, hướng tới việc tạo ra văn bản đáp ứng quy chuẩn của ngành Công an theo quan điểm tiếp cận thể loại của Hyland:

Sơ đồ tư duy kết hợp Khung bài mẫu (Mindmap & Writing Frame): Đối với phương pháp này, HV dùng sơ đồ tư duy để có những “bước chuyển ý” của đoạn văn mẫu và định hình nhanh ý chính nghiệp vụ (Ai? Ở đâu? Khi nào? Việc gì?).

Ứng dụng Padlet tổ chức đánh giá chéo (Peer Assessment): GV sử dụng Padlet – một hình thức làm bài trực tuyến không mất phí. GV tạo Padlet, gửi đường link qua nhóm Zalo chung của lớp. HV chỉ cần dùng điện thoại chụp ảnh bài viết tay hoặc gõ trực tiếp lên không gian chung để cả lớp cùng xem và sửa bài cho nhau. Lúc này, GV sẽ không sửa lỗi trực tiếp mà áp dụng kỹ thuật gợi mở (như nhắc lại câu đúng hoặc đặt câu hỏi để HV tự nhận ra lỗi sai) ngay dưới phần bình luận. Cách làm này vừa giúp chữa bài được cho tất cả HV, vừa tiết kiệm thời gian tối đa trên lớp, bao quát được quá trình học tập của cả lớp học.

2.6. Kết quả thực nghiệm và hiệu quả sau khi áp dụng giải pháp

Để kiểm chứng tính hiệu quả của biện pháp giảng dạy hiện đại, tuân theo mô hình “Chuyển giao trách nhiệm dần dần” (GRR) của hai nhà ngôn ngữ học hiện đại người Anh là Rod Ellis (Đại học Curtin – Úc) và Ken Hyland cùng kết hợp việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, tác giả đã tiến hành đối chiếu và so sánh kết quả học tập giữa hai lớp có tính tương đồng về đầu vào đối tượng: Lớp Đối chứng (Lớp B7C4 K61S- 42 HV) khi chưa áp dụng và Lớp Thực nghiệm (Lớp B3C3K61S - 39 HV) áp dụng đồng bộ các giải pháp đề xuất tại mục 2.4. Điểm số của 2 lớp như sau:

Bảng 1: Điểm số của Lớp Đối chứng : B7C4K61S:42 HV

Xếp loại	Tiêu chí điểm	Số lượng HV	Tỉ lệ phần trăm (%)
Giỏi	Điểm 8.0	4 / 42	9,52%
Khá	Điểm 7.0 - 7.5	34 / 42	80,95%
Trung bình	Dưới 7.0	4 / 42	9,52%
Tổng cộng		42	100%

Bảng 2: Điểm số của Lớp Thực nghiệm: Lớp B3C3K61S: 39 HV.

Xếp loại	Tiêu chí điểm	Số lượng HV	Tỉ lệ phần trăm (%)
Giỏi / Xuất sắc	Điểm 8.0 - 8.5	20 / 39	51,3%
Khá	Điểm 7.0 - 7.5	19 / 39	48,7%
Trung bình	Dưới 7.0	0 / 39	0%
Tổng cộng		39	100%

Dữ liệu thống kê cho thấy sự chênh lệch rõ rệt về chất lượng học tập. Ở lớp Đối chứng, tỉ lệ điểm dưới 7.0 chiếm 9.52 % (04 HV), phổ điểm bị “ghìm” lại ở phân khúc Khá (80,95%), chủ yếu là điểm 7.0 (34 HV). Ngược lại, tại lớp Thực nghiệm, tỷ lệ HV đạt điểm Giỏi và Xuất sắc đã bứt phá lên 51,3% (tăng gấp 4,3 lần), đặc biệt xuất hiện điểm số cận tuyệt đối là 8.5.

Sự chênh lệch mang tính bước ngoặt giữa 2 lớp được giải thích thông qua việc khắc phục các hạn chế cốt lõi trong từng dạng bài tập viết giáo trình Life (A1-A2):

- Dạng bài Sắp xếp từ thành câu (Word Ordering):

Trước khi áp dụng (Lớp Đối chứng): HV thường xuyên mắc lỗi tư duy ngược (ví dụ: viết “house new”), bỏ sót mạo từ, giới từ do thói quen dịch chuẩn từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Điểm số xuất hiện dưới 7.0 do câu viết thiếu độ chuẩn xác tuyệt đối.

Sau khi áp dụng (Lớp Thực nghiệm): Kỹ thuật Color-coding trên Wordwall đã định hình một “khung xương” cấu trúc trực quan (Chủ ngữ - Đỏ, Động từ - Xanh lá, Tân ngữ - Vàng). Trò chơi hóa (Gamification) qua Blooket loại bỏ áp lực tâm lý sợ sai, giúp HV ghi nhớ vị trí mạo từ/giới từ thông qua cơ chế phản hồi ngay lập tức, chuyển hóa thành điểm 8.0 ổn định.

- Dạng bài Đặt câu với từ gợi ý (Sentence Making)

Đối với lớp Đối chứng: Trước khi áp dụng: HV bộc lộ điểm yếu về ngữ pháp như chưa phân biệt được thì hoặc quên chia động từ ở các thể biến đổi (Ví dụ: giữ nguyên “She go” thay vì “She went” khi có trạng ngữ yesterday).

Đối với lớp Thực nghiệm: Sau khi áp dụng: GV sử dụng Fading Digital Scaffolding (giảm dần giàn giáo) theo 3 mức độ hỗ trợ trên Wordwall, HV đã chủ động tư duy chia thì theo công thức cố định GV đưa ra trên bảng trước khi tự viết. Đồng thời, việc lồng ghép từ vựng chuyên ngành tạo động lực nội tại lớn, giúp HV ứng dụng ngữ pháp chuẩn xác hơn.

- Dạng bài Viết đoạn văn ngắn (Paragraph Writing)

Đối với lớp Đối chứng: Trước khi áp dụng: Đoạn văn của HV thường rơi vào tình trạng lộn xộn, lặp từ sơ cấp (tall, beautiful, big) và thiếu câu chủ đề (Topic Sentence), cấu trúc lỏng lẻo.

Đối với lớp Thực nghiệm: Sau khi áp dụng: nhờ cặp công cụ Mindmap & Writing Frame, HV phân biệt được các “bước chuyển ý” chuẩn mực của Hyland (Ai? Ở đâu? Khi nào? Vụ việc gì?), đáp ứng tính chính xác của văn bản chuyên ngành Công an. Ứng dụng Padlet giúp sửa bài chéo trực tiếp (Recast/Clarification request), giúp GV chữa bài được cho 100% HV. HV yếu có điểm tựa từ “khung đọc lỗi”, HV khá giỏi có không gian sáng tạo để bút phá lên mức điểm 8.5.

3. Kết luận

Nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng Viết tiếng Anh thông qua giáo trình Life (A1-A2) cho HV Trường Cao đẳng Cảnh sát nhân dân I là yêu cầu mang tính cấp thiết. Dù còn gặp khó khăn về vốn từ vựng, tư duy dịch ảnh hưởng từ tiếng mẹ và tâm lý e ngại nói tiếng Anh, các giải pháp được đề xuất trong bài viết đã mở ra hướng đi đổi mới để khắc phục thực trạng này. Việc khai thác hiệu quả giáo trình không chỉ giúp HV vững kiến thức nền tảng mà còn nâng cao rõ rệt sự tự tin, tính chủ động. Những kinh nghiệm thực tiễn này là nguồn tham khảo hữu ích, đóng góp thiết thực vào việc đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ tại Nhà trường.

Tài liệu tham khảo

- Ellis, R. (2024). *Task-based language teaching: Informing pedagogy through second language acquisition research*. Cambridge University Press.
- Ellis, R., Skehan, P., Li, S., Shintani, N., & Lambert, C. (2020). *Task-based language teaching: Theory and practice*. Cambridge University Press.
- Hyland, K. (2022). *Signaling the text: Cohesion in L2 writing*. Routledge.
- Hyland, K. (2024). *Genre and second language writing* (2nd ed.). Routledge.
- Zhang, W., Zhang, L. J., & Wilson, A. J. (2022). Strategic competence, task complexity, and foreign language learners' writing and speaking performance: A hierarchical linear modelling approach. *Applied Linguistics Review*, 13(3), 1121–1149.